TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Doãn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc

2. Ông Nguyễn Hữu Lê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đục là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc*" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023. Theo Quyết định hoãn phiên toà số 12/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2013. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

HKTT: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Chổ ở hiện nay: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Đỗ Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Tam Nông, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày :

1. Về hôn nhân:

Tôi và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau vào năm 2011, chúng tôi có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 10/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới chúng tôi sống rất hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì luôn có mâu thuẫn và chúng tôi đã ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, luôn bất đồng quan điểm nên lúc nào cũng có mâu thuẫn với nhau. Trong thời gian ly thân chúng tôi không gặp nhau nên không tự hàn gắn lại với nhau được, hai bên gia đình cũng không giải quyết gì cho chúng tôi. Hôm nay tôi thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Tôi và Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào năm 2011, chúng tôi có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 10/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới chúng tôi sống rất hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì luôn có mâu thuẫn và chúng tôi đã ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, luôn bất đồng quan điểm nên lúc nào cũng có mâu thuẫn với nhau. Trong thời gian ly thân chúng tôi không gặp nhau nên không tự hàn gắn lại với nhau được, hai bên gia đình cũng không giải quyết gì cho chúng tôi. Hôm nay vợ tôi yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn, tôi yêu cầu hàn gắn lại để cùng nhau lo cho con.

2. Về con chung:

Chị L trình bày: Trong thời gian sống chung, chúng tôi có với nhau hai đứa con tên Đỗ Hoàng K, sinh ngày 12/02/2011 và Đỗ Thị Thuỳ Q, sinh ngày 05/12/2016 (Hiện hai cháu đang sống với anh T). Sau khi ly hôn tôi đồng ý giao hai cháu Đỗ Hoàng K, sinh ngày 12/02/2011 và Đỗ Thị Thuỳ Q, sinh ngày 05/12/2016 cho anh Đỗ Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng. Tôi không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh T trình bày: Trong thời gian sống chung chúng tôi với nhau hai đứa con như vợ tôi trình bày, hiện các con đang sống với tôi.

3. Về tài sản chung:

Chị L và anh T trình bày: Chúng tôi không có tài sản chung.

4. Về nợ chung:

Chị L và anh T trình bày: Chúng tôi không nợ ai và cũng không ai nợ lại chúng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về tố tụng*:

- *Về thẩm quyền*: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn T, địa chỉ ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- *Về xét xử vắng mặt*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*:

Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn T là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn, anh chị đã có thời gian tìm hiểu nhau, anh chị tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi cưới thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc, đến năm 2022 thì thường xuyên có mâu thuẩn và mâu thuẩn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm lo lắng cho gia đình, cho vợ con, anh chỉ biết lo riêng bản thân mình, chị L khuyên can, anh T không nghe từ đó tính tình không còn phù hợp, luôn bất đồng quan điểm nên lúc nào cũng có mâu thuẩn xảy ra. Hôm nay chị L yêu cầu ly hôn với anh T do tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại biên bản hoà giải ngày 26/4/2023 anh T không đồng ý ly hôn, anh tha thiết yêu cầu được hàn gắn lại với chị L vì anh vẫn còn tình cảm với chị L anh yêu cầu hàn gắn lại để cùng nhau lo cho con. Xét lời trình bày của anh T không có căn cứ chấp nhận. Vì: Anh là người trụ cột của gia đình, là chỗ dựa vững chắc cho vợ con, anh lại không quan tâm lo lắng cho gia đình. Khi vợ chồng có mâu thuẩn với nhau anh phải là người đứng ra giải quyết nhưng anh không làm được, anh cho rằng chị L muốn tránh mặt anh, nếu như anh còn tình cảm với chị L anh phải tìm cách gặp trực tiếp chị L giải quyết những mâu thuẩn nhưng anh không làm được. Hôm nay anh cho rằng anh vẫn còn thương vợ nhưng từ khi Tòa án hòa giải đến nay anh không gặp trực tiếp và lên kế hoạch sau khi hàn gắn lại như thế nào để chị L yên tâm mà trở về với anh, anh không có thiện chí để hàn gắn lại với chị L, chính anh là người đã đánh mất đi hạnh phúc gia đình mà anh chị đã nhiều năm vun đắp. Thời gian ly thân anh chị cũng khá lâu nhưng anh chị không tự hàn gắn lại với nhau được. Từ những căn cứ trên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là phù hợp.

[3]. *Về con chung*:

Trong thời gian sống chung anh chị có với nhau hai đứa con. Tại phiên tòa hôm nay chị L đồng ý giao hai con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Tuy nhiên

việc giao con cho ai nuôi, cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân và hiện nay cháu Hoàng K và Thuỳ Q sống với anh T, cuộc sống vẫn ổn định, vẫn đảm bảo về tinh thần và vật chất, hơn nửa hiện cháu K có nguyện vọng được sống với Ba sau khi Ba Mẹ ly hôn và anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Từ những căn cứ trên công nhận sự thoả thuận về việc nuôi con của chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn T là phù hợp.

Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 14, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đỗ Văn T.

Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Đỗ Hoàng K, sinh ngày 12/02/2011 và Đỗ Thị Thuỳ Q, sinh ngày 05/12/2016 cho anh Đỗ Văn T tiếp tục nuôi dưỡng (Hiện hai cháu đang sống với anh T). Chị Nguyễn Thị L không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng (Do anh T không yêu cầu).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Cha, Mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số

0001968, quyển số 0000040 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn có mặt được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Báo cho bị đơn vắng mặt được biết được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh,
- VKSND huyện,
- Chi cục THA dân sư huyện,
- Đương sự,
- UBND xã P,
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Kim Doãn

Các Hội Thẩm **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Kim Doãn

Nơi nhận
THẨM
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Chi cục THA dân sư huyệnï.
- Đương sự.
- Lưu HS DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Doãn